TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:105/2024/DS-ST
Ngày: 23-8-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Ngọc Thương
2. Bà Ngô Thị Thúy Hảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo - Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử vụ án Dân sự thụ lý số 326/2024/DSST ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2024/QĐST-XX ngày 23 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2024/QĐHPT-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: Công ty T2

Địa chỉ: Số I P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật ông LEE YUN HYOUNG, chức danh Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty L, Người đại diện theo pháp luật: Ông Cồ Lê H, chức vụ Giám đốc (theo văn bản uỷ quyền số 09/2024/GUQ-MAFC ngày 02-5-2024)

Địa chỉ: Số B (tầng 1+ 3) L, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đượ uỷ quyền lại : Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 2001 (có đơn xin xét xử vắng mặt) (Văn bản uỷ quyền 02/GUQ-2024 ngày 20-5-2024)

Địa chỉ: Số B L, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.*Bị đơn:* Bà Lê Ngọc T1, sinh năm 1983(vắng mặt)

Địa chỉ: Số B V, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22-5-2024 và qua quá trình làm việc, đại diện Công ty T2 "Tên viết tắt Công ty T2" trình bày:

Ngày 26-9-2022, Công ty T2 (VIỆT NAM) *(sau đây gọi tắt là* "Công ty T2") ký Hợp đồng tín dụng số: 3677449 *(sau đây gọi tắt là* "Hợp đồng tín dụng") về việc cấp tín dụng cho bà Lê Ngọc T1 với khoản vay trị giá 31.980.000 đồng *(Bằng chữ: Ba mươi mốt triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng),* trong đó bao gồm: 30.000.000 đồng tiền vay và 1.980.000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay với lãi suất 44%/ năm. Theo đó, bà Lê Ngọc T1 có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng với số tiền 1.613.969 đồng trong kỳ hạn 36 tháng kể từ ngày 25-10-2022 đến ngày 25-9-2025.

Sau khi ký kết, Công ty T2 đã tiến hành giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho bà Lê Ngọc T1 với hình thức chuyển khoản qua số tài khoản ngân hàng mà bà Lê Ngọc T1 đã cung cấp. Qua đó, bà Lê Ngọc T1 có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền hàng tháng cho phía Công ty T2 theo đúng thỏa thuận đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng trên.

Tuy nhiên, từ ngày 04-7-2023, bà Lê Ngọc T1 đã ngừng thanh toán khoản vay cho Công ty T2 mặc dù Công ty đã nhiều lần nhắc nhở cũng như gọi điện liên hệ đề nghị bà Lê Ngọc T1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng không nhận được bất kỳ phản hồi nào từ bà Lê Ngọc T1 về việc thanh toán khoản vay đã quá hạn trên. Tính đến thời điểm hiện tại, bà Lê Ngọc T1 chỉ thanh toán được 08 kỳ với tổng số tiền 13.014.000 đồng (Bằng chữ: Mười ba triệu, không trăm mười bốn nghìn đồng).

Việc bà Lê Ngọc T1 trì hoãn thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay theo thỏa thuận trong "Hợp đồng tín dụng" mà hai bên ký kết đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T2.

Vì vậy, Công ty T2 (Việt Nam) yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc bà Lê Ngọc T1 phải thanh toán toàn bộ khoản vay cho Công ty T2 (bao gồm dư nợ gốc còn lại của khoản vay, lãi, phí) tính đến ngày 23-8-2024 với tổng số tiền là: 44.693.149 (Bằng chữ: Bốn mươi bốn triệu,sáu trăm chín mươi ba nghìn, một trăm bốn mươi chín đồng) và lãi phát sinh từ ngày 24-8-2024 cho đến khi thanh toán hết nợ.

2. Bị đơn- Bà Lê Ngọc T1 trong suốt quá trình tố tụng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do.

3.Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

3.1.Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình.Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định pháp luật tố tụng, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

3.2.Về nội dung: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T2, buộc bà Lê Ngọc T1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty T2 số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh như yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Công ty T2 khởi kiện“ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với bà Lê Ngọc T1, bà T1 có nơi cư trú tại thành phố V nên xác định đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tại thời điểm ký kết hợp đồng, bà Lê Ngọc T1, cung cấp địa chỉ tại số B V, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã niêm yết, tống đạt giấy triệu tập hợp lệ yêu cầu bà Lê Ngọc T1 đến Tòa để giải quyết vụ án, hòa giải, xét xử. Tuy nhiên, bà Lê Ngọc T1 vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng.Tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn.

[2]. *Về nội dung*:

Theo đề nghị vay vốn ngày 23-9-2022 của bà Lê Ngọc T1. Ngày 26-9-2022, bà Lê Ngọc T1 và Công ty T2 (gọi tắt là “Công ty T2”) đã ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 3677449 về việc cấp tín dụng cho bà Lê Ngọc T1 với khoản vay trị giá 31.980.000 đồng *(Bằng chữ: Ba mươi mốt triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng),* trong đó bao gồm: 30.000.000 đồng tiền vay và 1.980.000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay với lãi suất 44%/ năm, mục đích vay tiêu dùng. Hàng tháng bà T1 có nghĩa vụ thanh toán với số tiền 1.613.969

đồng trong kỳ hạn 36 tháng kể từ ngày 25-10-2022 đến ngày 25-9-2025. Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty T2 đã thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng là giải ngân số tiền nêu trên vào tài khoản cho bà T1. Tuy nhiên, bà T1 không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán. Theo tài liệu, Công ty T2 cung cấp thì kể từ sau khi vay vốn, bà T1 đã thanh toán được 08 kỳ với tổng số tiền 13.014.000 đồng *(Bằng chữ: Mười ba triệu, không trăm mười bốn nghìn đồng)*. Ngày 04-7-2023, bà Lê Ngọc T1 đã ngừng thanh toán khoản vay cho Công ty T2. Tính đến ngày 23-8-2024, bà T1 còn nợ Công ty T2 tổng số tiền là: 44.693.149 đồng. Cụ thể :

+ Số tiền gốc : 27.860.185 đồng;

+ Số tiền lãi phải thu: 12.065.740 đồng;

+ Số tiền lãi trên nợ gốc bị quá hạn phải thu: 3.964.679 đồng;

+ Số tiền lãi chậm trả phải thu: 802.544 đồng.

[2.1]. Xét tư cách pháp nhân của nguyên đơn và tính pháp lý của giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3677449 ngày 26-9-2022:

[2.1.1].Về thẩm quyền và tư cách pháp nhân của nguyên đơn: Công ty T2 được Sở kế hoạch Đầu tư Thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo mã số doanh nghiệp C. Căn cứ theo điểm a Khoản 2 Điều 8 và Điều 10 của Điều lệ, Công ty T2 được cấp tín dụng dưới hình thức "cho vay, bao gồm cả cho vay trả góp, cho vay tiêu dùng"…cấp tín dụng trên cơ sở có bảo đảm hoặc không có bảo đảm tài sản của khách hàng vay… nên Hội đồng xét xử xác định Công ty T2 có đủ tư cách để ký Hợp đồng tín dụng với khách hàng là cá nhân, tổ chức.

[2.1.2].Về tính pháp lý của giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3677449 ngày 26-9-2022:

Ngày 26-9-2022, bà Lê Ngọc T1 và Công ty T2 (Việt Nam) đã ký Hợp đồng tín dụng số 3677449. Về hình thức của hợp đồng được lập thành văn bản do người có thẩm quyền của Công ty T2 và bà Lê Ngọc T1 tự nguyện giao kết.Trong hợp đồng bà T1 không trực tiếp ký tên vào nhưng có giao kết hợp đồng dưới hình thức chữ ký số do bà T1 đã đăng ký loại chứng thư số OID-B1.0 -1D do Trung tâm D chứng nhận.Theo Điều 8 Nghị định 130/2018/NĐ-CP quy định về giá trị của chữ ký số như sau: " Trong trường hợp pháp luật quy định văn bản cần có chữ ký thì yêu cầu đối với một thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng nếu thông điệp dữ liệu đó được ký bằng chữ ký số và chữ ký số đó được đảm bảo an toàn theo quy định tại Điều 9 Nghị định

130/2018/NĐ-CP. Điều 9 Nghị định 130/2018/NĐ-CP quy định chữ ký số được xem là chữ ký điện tử an toàn khi đáp ứng các điều kiện sau:

" Chữ ký số được tạo ra trong thời gian chứng thư số có hiệu lực và kiểm tra được bằng khoá công khai ghi trên chứng thư số đó";

" Chữ ký số được tạo ra bằng việc sử dụng khoá bí mật tương ứng với khoá công khai ghi trên chứng thư số do một trong các tổ chứng sau đây cấp:

+ Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia;

+ Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số Chính phủ;

+ Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng.

Công ty TNHH H1 là đơn vị được thực hiện dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng FPT- CA, theo giấy phép cung cấp dịch vụ chữ ký số công cộng 527/GP-BTTTT ngày 12-10-2015 của Bộ T3 nên chữ ký số của bà Lê Ngọc T1 đăng ký và được Trung tâm D chứng thực có giá trị pháp lý.

Nội dung của Hợp đồng tín dụng số 3677449 ngày 26-9-2022 không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, thể hiện ý trí tự nguyện của các bên giao kết, phù hợp với các quy định tại các Điều 16, 19, 75, 86, 117 và Điều 119 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3677449 ngày 26-9-2022 giao kết giữa bà Lê Ngọc T1 với Công ty T2 có hiệu lực pháp luật.

[2.2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Quá trình thực hiện hợp đồng bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng và Điều 8 của hợp đồng, trong đó hai bên đã thỏa thuận về thời hạn thanh toán nợ, mức lãi suất cũng như lãi phạt nếu vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa,Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà T1 đến làm việc, trình bày ý kiến và tạo điều kiện để cho hai bên hòa giải nhưng vẫn vắng mặt và không đưa ra ý kiến. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Từ nhận định nêu trên có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T2 đối với bị đơn bà Lê Ngọc T1;

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 , điểm b, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T2 đối với bị đơn bà Lê Ngọc T1.

Áp dụng các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 02 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 13 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu,miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Buộc bà Lê Ngọc T1 phải trả cho Công ty T2 (Việt Nam) tổng số tiền là 44.693.149 đồng. Cụ thể:

+ Số tiền gốc : 27.860.185 đồng

+ Số tiền lãi phải thu: 12.065.740 đồng.

+ Số tiền lãi trên nợ gốc bị quá hạn phải thu: 3.964.679 đồng.

+Số tiền lãi chậm trả phải thu: 802.544 đồng

Theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3677449 ngày 26-9-2022.

Kể từ ngày tiếp theo ngày 24-8-2024, bà Lê Ngọc T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Ngọc T1 phải chịu là 2.234.657đ (Hai triệu, hai trăm ba mươi tư ngàn, sáu trăm năm mươi bảy đồng).

Công ty T2 (Việt Nam) được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 1.000.000đ (Một triệu đồng), theo biên lai thu số 0000160 ngày 10-06-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

3.Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

4.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh BR-VT;
- Viện kiểm sát ND Tp-VT;
- Thi hành án dân sự Tp- VT;
- Lưu hồ sơ.

Hoàng Thị Cúc